

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 9 - 2023

V/v “*ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ.

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Hữu Dương;

+ Bà Trần Thị Xuân Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Quý; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hương Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ M, phường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Ngọc A – Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, hành nghề tại Công ty Luật TNHH MTV SL; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1981; địa chỉ: khối phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2023, bản trình bày ngày 01/8/2023 và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh Q kết hôn vào ngày 13/6/2011 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B (nay là thị trấn G), huyện C, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất hoà, không khí gia đình luôn căng thẳng, áp lực

nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh Q đã ly thân được hơn 02 (hai) năm. Nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn, nay đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh Q có 02 (hai) con chung là: Nguyễn GH, sinh ngày yy/y/2011 và Nguyễn TTC, sinh ngày xx/x/2014. Hiện nay, 02 (hai) con đang ở với chị T. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 (hai) con đến đủ 18 tuổi, trưởng thành và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không yêu cầu Tòa án điều chỉnh; tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu HĐXX giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh Q không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và phiên Tòa nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức tham gia phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội Thẩm nhân dân, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là có thật, chị T và anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị T đã cùng với 02 (hai) con là Nguyễn GH và Nguyễn TTC đi sinh sống nơi khác được hơn 02 (hai) năm, mỗi bên đã tạo lập cuộc sống riêng, không liên quan đến nhau. Vì các lẽ trên, căn cứ vào các quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị T và anh Q. Về con chung: đề nghị HĐXX giao 02 (hai) con chung là Nguyễn GH, sinh ngày yy/y/2011 và Nguyễn TTC, sinh ngày xx/x/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX không xét. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q đảm bảo hình thức, nội dung quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Thanh Q cư trú tại khối phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Quảng Nam nên Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức

có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Thanh Q vắng mặt tại phiên họp không có lý do. Tòa án đã triệu tập họp lệ anh nhiều lần nhưng anh vẫn không có mặt, do đó Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh Q cư trú và tại nhà anh Nguyễn Thanh Q, đã tổng đạt, niêm yết các thủ tục tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2023, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh Q vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa ngày 06 tháng 9 năm 2023, thì phiên tòa được mở lại vào ngày 22/9/2023.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B (nay là thị trấn G), huyện C, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân của chị T và anh Q là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối, đảm bảo các quy định pháp luật nên được thừa nhận.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng chị T và anh Q hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q và chị T không hợp nhau về quan điểm sống. Tính đến nay, chị T và anh Q sống ly thân đã hơn 02 (hai) năm, mỗi bên đã tạo lập cuộc sống riêng, không liên quan đến nhau.

Tại phiên tòa, anh Q vắng mặt nhưng lời khai của chị T phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án với Công an thị trấn B: Anh Nguyễn Thanh Q hiện tại thường xuyên vắng mặt tại địa phương và không rõ thời điểm trở về. Theo biên bản xác minh của Tòa án và anh Nguyễn Văn Đ – anh ruột của anh Q và biên bản xác minh của Tòa án với Hội Liên hiệp Phụ nữ thị trấn B thì việc kết hôn của anh Nguyễn Thanh Q và chị Nguyễn Thị T là tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn B năm 2011. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Từ những lý do đã phân tích trên, HĐXX nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xét cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh Q có 02 (hai) con chung là Nguyễn GH, sinh ngày yy/y/2011 và Nguyễn TTC, sinh ngày xx/x/2014, chị T mong muốn được nhận nuôi dưỡng con đến đủ tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy 02 (hai) cháu có nguyện vọng ở với mẹ, 02 (hai) cháu đã chung sống với chị T trong suốt thời gian anh Q và chị T ly thân, hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu phát triển tốt. Để bảo đảm cuộc sống, nguyện

vọng và quyền lợi, cũng như không làm thay đổi cuộc sống của các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao 02 (hai) cháu là Nguyễn GH và Nguyễn TTC cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết, anh Q vắng mặt nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn Cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các Điều 51, 53, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ban hành ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Thanh Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q.

2. Về con chung: Xử giao 02 (hai) con chung là Nguyễn GH, sinh ngày yy/y/2011 và Nguyễn TTC, sinh ngày xx/x/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thanh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng y*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng y*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006745 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/9/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Hiệp Đức;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Đức
- Ủy ban nhân dân thị trấn B (Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 13/6/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thọ